TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2020.
V/v "Tranh chấp HĐ tín dụng "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Nghị
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Nguyễn Thị Tuyết
2. Bà: Khuất Thị Toàn
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại Hội trường xét xử dân sự Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST- DSTC, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DSTC ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QDST-DSTC ngày 06/4/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh H.
Địa chỉ: Tổ 9, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Trung T, chức vụ: Phó giám đốc (văn bản ủy quyền ngày 05/11/2019), (có mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị C
Địa chỉ: Tổ 4, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh H đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Trung T trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 01/2018/2588370/HĐTD đã ký ngày 21/6/2018 giữa bà Nguyễn Thị C với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh H, bà C được Ngân hàng chấp thuận cho vay với số tiền 230.000.000,đồng(Hai trăm ba mươi triệu đồng), thời gian vay vốn là 58 tháng với mục đích mua sắm trang thiết bị gia đình. Theo hợp đồng tín dụng bà C cam kết trả

nợ mỗi tháng từ ngày 15/7/2018 đến ngày 15/3/2023 trả số tiền 4.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh; kỳ 21/4/2023 trả 2.000.000 đồng và lãi phát sinh. Từ ngày 28/12/2018 sau khi bị thôi việc, bà C thường xuyên để xảy ra tình trạng quá hạn, Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần bằng nhiều hình thức nhưng bà C vẫn chây ì trong việc trả nợ tiền vay cho Ngân hàng cụ thể kể từ tháng 12/2018 đến tháng 02/2019 bà C không trả nợ cho Ngân hàng. Tại biên bản làm việc ngày 19/12/2018 đã ký giữa bà C và Ngân hàng đề nghị bà C thanh toán gốc và lãi khoản vay, tuy nhiên bà C không thực hiện theo biên bản làm việc đã ký. Ngày 22/3/2019 bà C nộp được 3.065.937 đồng tiền gốc và ngày 04/5/2019 nộp được 3.260.000 đồng tiền gốc; đến nay bà C không nộp thêm khoản nợ gốc nào. Sau đó Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc với bà C để đôn đốc việc trả nợ, hiện tại thì Ngân hàng không liên lạc được với bà C và gia đình, bà C trốn tránh trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đến thời điểm ngày 04/11/2019 dư nợ gốc của bà C là 203.674.063 đồng, lãi phí chậm trả 26.087.770 đồng; tổng cộng 229.761.833 đồng. Để đảm bảo thu hồi vốn Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xử buộc bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Chi nhánh H.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị C trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triêu tập bà C đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh tại tổ 4, phường M, thành phố H cung cấp hiện nay bà C đã đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa bàn tổ từ tháng 02 năm 2019. Còn việc đi đâu, làm gì ở đâu không thông báo hay cắt khẩu, báo tạm vắng cho tổ biết nên hiện tại tổ không nắm được và không biết hiện nay bà C đang ở đâu. Quá trình xác minh tại gia đình bà C cụ thể chồng bà C ông Phí Bá H cung cấp gia đình ông và các con đang ở thuê trọ trên địa bàn tổ 4, phường M, thành phố H do nhà ông đã bị xiết nợ không có nhà để ở, bà C bỏ đi khỏi địa phương, không có ai trong nhà, người thân liên lạc được với bà C. Đối với khoản tiền vay Ngân hàng Đầu tư bà C tự vay tự chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng, bà C vay làm gì, sử dụng khoản vay thế nào ông H không biết, quan điểm ông H không có trách nhiệm trả nợ cho bà C. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định và tiến hành giải quyết, xét xử theo quy định chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ban đầu đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà C hoàn trả lại số tiền gốc 203.674.063 đồng và lãi, phí trả chậm tính đến ngày 20/4/2020 là 39.219.915 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 242.893.978 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn chín trăm trăm bảy mươi tám đồng).

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà,Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tung quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 282, 357, 463, 466 BLDS năm 2015; đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà C phải trả số tiền nợ gốc 203.674.063 đồng và số tiền lãi, phí trả chậm tính đến ngày 20/4/2020 là 39.219.915 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 242.893.978,đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn chín trăm trăm bảy mươi tám đồng).

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Người khởi kiện yêu cầu buộc người vay tiền phải trả khoản nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và nguyên đơn đã chọn khởi kiện tại nơi Tòa án nơi thực hiện hợp đồng tín dụng. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại các biên bản xác minh địa chỉ của bị đơn của Tòa án nhân dân thành phố H tại tổ dân phố tổ 4, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang đã xác định: bà Nguyễn Thị C có địa chỉ cư trú tại: Tổ 04, phường, thành phố H, tỉnh Hà Giang hiện nay hộ khẩu của bà C vẫn ở địa chỉ trên nhưng bà C đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và cố tình giấu địa chỉ, không báo cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh H cũng như chính quyền địa phương biết. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà C nhưng bà C không đến tham gia tố tụng. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà C là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Ngày 21/6/2018 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh H và Nguyễn Thị C đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/2588370/HĐTD, theo đó Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh H đồng ý cho bà C vay với số tiền 230.000.000,đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), mức lãi suất là 12,5%/năm, thời hạn vay 58 tháng kể từ ngày 21/6/2018 đến ngày 21/4/2023, mục đích vay để mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình. Hình thức bảo đảm tiền vay không có bảo đảm bằng tài sản, bà C cam kết trả nợ mỗi tháng theo hợp đồng từ ngày15/7/2018 đến 15/3/2023 trả số tiền 4.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh, kỳ 21/4/2023 trả 2.000.000đồng và lãi phát sinh. Quá trình thực hiện hợp đồng bà C đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh H và để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 19/12/2018, phía Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh H đã làm văn bản và làm giấy mời bà C đến làm việc giải quyết khoản nợ nhưng bà C không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 04/5/2019 là ngày trả nợ cuối cùng số tiền gốc của bà C.Tính đến thời điểm xét xử bà C còn nợ số tiền gốc 203.674.063 đồng, nợ lãi 39.219.915 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 242.893.978,đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn chín trăm trăm bảy mươi tám đồng). Bị đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa

không có lý do nên không đưa ra được quan điểm yêu cầu của mình. Bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền vay nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, 282, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh H buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh H số tiền gốc còn nợ, lãi suất trong hạn, lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng số: 01/2018/2588370/HĐTD ngày 21/6/2018 , cụ thể: Nợ gốc: 203.674.063 đồng; nợ lãi, phí trả chậm tính đến ngày 20/4/2020 là 39.219.915 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 242.893.978,đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn chín trăm trăm bảy mươi tám đồng).

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 12.144.698 đồng (Mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng) theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều, 90,91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 282, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị C.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị C; Địa chỉ: Tổ 04, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh H số tiền gốc 203.674.063 đồng và số tiền nợ lãi, phí trả chậm 39.219.915đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 242.893.978 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn chín trăm trăm bảy mươi tám đồng), khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/2588370/HĐTD ngày 21/6/2018.

Kể từ ngày 21/4/2020 bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền còn nợ gốc của hợp đồng tín dụng số: 01/2018/2588370/HĐTD ngày 21/6/2018 , số tiền: 203.674.063 đồng (Hai trăm linh ba triệu sáu trăm trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi ba đồng) cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.144.698, đồng (Mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh H số tiền tạm ứng án phí 5.744.000,đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) Ngân hàng đã nộp (Hoàng Thị H nộp tiền thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 01420 ngày 04/12/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt biết có kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSNDTPH;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- C.C THATPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Nghị